

Số: 23/2022/QĐST-HNGĐ

Liên Chiểu, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông **Phùng Quốc T**, sinh năm 1993;

Bà **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số 12 P 01, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu S và ông Phùng Quốc T xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 123), hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Nay bà Lê Thị Thu S và ông Phùng Quốc T không còn tình cảm nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phùng Quốc T xác nhận có 02 con chung Phùng Thị Mỹ L - sinh ngày 05/5/2016, Phùng Quốc Đ - sinh ngày 03/4/2020 và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao 02 con chung Phùng Thị Mỹ L - sinh ngày 05/5/2016 và Phùng Quốc Đ - sinh ngày 03/4/2020 cho ông Phùng Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Thu S không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Phòng Thị Mỹ L và Phòng Quốc Đ.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000899 ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét thấy: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Việc bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T về việc yêu cầu “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung”.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa người yêu cầu:

Ông **Phòng Quốc T**, sinh năm 1993;

Bà **Lê Thị Thu S**, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số 12 P 01, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T xác nhận có 02 con chung và tự thỏa thuận việc nuôi con chung như sau:

Giao 02 con chung Phòng Thị Mỹ L - sinh ngày 05/5/2016 và Phòng Quốc Đ - sinh ngày 03/4/2020 cho ông Phòng Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Thu S không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Phòng Thị Mỹ L và Phòng Quốc Đ.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T xác nhận không nợ chung, không ai nợ chung bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000899 ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thu S và ông Phòng Quốc T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân Hương